

Thuyết luân hồi theo quan điểm Phật giáo

ISSN: 2734-9195 16:01 24/09/2025

Sự tái sinh liên hệ đến nghiệp, nghiệp bắt nguồn từ vô minh, tham ái. Nếu không còn vô minh, chấp thủ ngã ái thì sẽ không còn nghiệp, không còn luân hồi, đây cũng là mục tiêu cuối cùng hướng đến giải thoát đạt được Niết-bàn của sự tu tập.

I. Dẫn nhập

Đức Phật từng dạy các pháp vốn vận hành theo quy luật “*Thành, trụ, hoại, không*”^[1] dù là pháp hữu vi hay vô vi điều bởi chi phối theo định luật vô thường và chịu tác động của quy luật Luân hồi, chính vì điều đó mỗi hành giả tu tập luôn quán sát sự vận hành của vũ trụ.

Tuy nhiên, Ngài vẫn luôn dạy quán sát mọi nhân duyên để thấy thấy sự giả hợp vô thường của các pháp. Đối với Ngài, Như Lai có xuất hiện ở đời hay không xuất hiện thì pháp nhân duyên vẫn hiện hữu, vẫn tồn tại trên cõi đời này, các pháp vốn là mọi nhân duyên, mọi thứ đều giả hợp, vì giả nên thật có.

Nhưng, chúng sinh hiện hữu trên nhân loại này điều chấp vào những điều giả hợp cho đó là thật có, thậm chí Ngài còn nhấn mạnh Ta thuyết pháp 45 năm nhưng Ta chưa từng nói lời nào; ý nghĩa này càng nhấn mạnh lời dạy của Ngài.



Hình mang tính minh họa

Thiết nghĩ, những lời dạy của Như Lai là pháp tối thượng, là chân lý giúp chúng sinh qua khỏi biển mê mờ, khi ra khỏi bờ mê thì không còn vướng bận vào mọi chân lý. Tuy nhiên, không phải hành giả tu tập nào cũng có thể lãnh hội pháp của Như Lai trọn vẹn: *“chúng sinh có rất nhiều giống loại, nhiều căn cơ, nhiều tâm trí,giống như hoa sen, có hoa sen trôi lên trên mặt nước, có hoa sen đã úa tàn, có những búp sen còn chưa ngoi ra khỏi mặt nước; cũng vậy, trí tuệ của mỗi chúng sinh, giống như hoa sen vậy....”*^[2]. Tư tưởng Ấn Độ cổ đại như những bông hoa trong vườn hoa muôn hương sắc, nảy sinh trên mảnh đất đặc biệt màu mỡ. Nó luôn quan tâm đến số phận con người và luôn trăn trở tìm kiếm lời giải đáp cho hàng loạt câu hỏi liên quan đến vấn đề nhân sinh như: “Con người sinh ra từ đâu? Con người sống như thế nào? Con người trú ngụ ở đâu khi chết đi?”; Ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời con người là gì? Vì sao con người lại phải chịu những đau khổ? Làm thế nào để giải phóng con người khỏi nỗi khổ của cuộc đời?

Chính vì những trăn trở của chúng sinh trong vòng luân quần, vì sự vô minh không thấy được sự sinh chuyển luân hồi của thế giới, không chấp nhận được sự đánh mất có và không là triết lý sống, nảy sinh từ đời sống và trở về với đời sống sinh động của con người.

Cho nên đức Phật chỉ ra giáo lý Luân hồi cho mỗi chúng ta bài học về đạo làm người, không chỉ trong quan hệ giữa con người với con người, mà còn cả trong quan hệ giữa con người với chúng sinh và thế giới xung quanh vậy.

II. Nội dung

1. Tổng quan về thuyết Luân hồi

1.1. Tư tưởng kế thừa và phát triển của đức Phật trong nền tư tưởng Upanishad

Trước thời đức Phật xuất hiện, xã hội Ấn Độ đã có 62 học thuyết và gần 100 tôn giáo lớn nhỏ ra đời. Bên cạnh đó, nền tư tưởng triết học cổ đại của Ấn Độ đã ăn sâu vào tâm thức của người con xứ Ấn. Đồng thời nền triết học Upanishad là nền tư tưởng chính yếu của tất cả các tôn giáo.

Upanishad có tổng cộng 180 cuốn, được biên soạn vào cuối thời kỳ Veda. Nội dung chủ đạo của Upanishad là nhất nguyên và duy tâm. Nhất nguyên là vì các tác giả của Upanishad cho rằng: “Atman là Brahman, ẩn sâu trong con người”. Mà muốn “hiểu biết về Atman không thể đạt được bởi lý luận. Atman sẽ trở nên dễ dàng lĩnh hội khi được giảng giải bằng cách khác (nhận thức trực giác, hướng nội hay thực nghiệm tâm linh).



Hình mang tính minh họa

Duy tâm là vì Atman là cái nằm ẩn sâu bên trong, là cái bản chất của con người, của mỗi chúng sinh, “Atman ẩn dấu sâu kín trong trái tim của vạn vật đang sinh tồn. Người thoát khỏi sự ràng buộc của dục vọng và thế giới vật dục là người thấy được vẻ uy nghiêm của Atman qua sự yên tĩnh của tri giác và trí tuệ, người đó sẽ đạt được tự do từ khổ đau”.

Trong Upanishad, kể cả pháp học lẫn pháp hành chúng ta cũng dễ dàng tìm thấy được những thuyết trọng yếu trong Phật giáo mà bắt nguồn tư tưởng trên.

Tư tưởng Nghiệp

Nghiệp tiếng Phạn là Karma, tiếng Pali là Kamma, có nghĩa là hành động của thân khẩu ý. Nghiệp là giáo lý quan trọng đối với hầu hết các tôn giáo ở Ấn độ. Theo Ấn độ giáo, Nghiệp là “hành động cá nhân, đóng vai trò chủ chốt trong mọi việc, duy trì sự hài hòa vũ trụ, nhưng nó cũng ảnh hưởng quan trọng đến sự liên hệ của một người trong thế giới vật chất và quần thể.

Mặc dù Phật tiếp thu tư tưởng Nghiệp ấy nhưng chính Đức Phật đã giải thích tận tường và trình bày đầy đủ về giáo pháp cao siêu ấy: “Này các Tỳ kheo, Ta là chủ nhân của Nghiệp, là thừa tự, là quyến thuộc, Nghiệp là thai tạng, những gì hành động có tác ý Ta đều tự lãnh lấy”. Bên cạnh đó Nghiệp của Phật giáo còn có sự can thiệp của Nhân- duyên-quả.

Luân hồi tái sinh

Luân hồi (zh. 輪迴, sa., pi. saṃsāra, bo. `khor baཀམ་མཐོང་པོ་), nguyên nghĩa Phạn ngữ là “lang thang, trôi nổi”, thuật ngữ này chỉ những lần đầu thai tiếp nối nhau, trạng thái bị luân chuyển của một linh hồn khi chưa đạt giải thoát. Hay nói cách khác, luân hồi là sự chuyển hóa sự sống của một sinh vật qua nhiều kiếp theo sự tái sinh. Đối với Ấn Độ giáo, tư tưởng Luân hồi tái sinh cũng gần giống tư tưởng Nghiệp. Tuy nhiên, với đức Phật, một hành giả tu tập đoạn tận tham ái, chấp thủ: “Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm...” thì khi chết sẽ không còn tái sinh vào cõi luân hồi.

Bản ngã

Đối với tư tưởng của Upanisad, bản ngã là trung tâm của vũ trụ. Tự ngã Atman là một thực thể nội tại trong mỗi cá nhân. Tuy nhiên, đối với đức Phật tu tập để vượt ra khỏi cái Ngã để vượt lên Vô ngã.

Giải thoát

“Giải thoát” bắt nguồn từ tiếng Phạn là Mosha, Mukti, có nghĩa: “Giải” tức là cởi ra, mở ra, tháo ra....”; “Thoát” là vượt ra khỏi sự ràng buộc của thế giới giả tưởng, sanh tử luân hồi. Còn Phật giáo thì cho rằng giải thoát là trạng thái từ bỏ hết mọi tham ái, dục vọng, chấp trước...., đó chính là đặc thù của Phật giáo.

1.2. Khái niệm về Luân hồi trong Phật giáo



Ảnh: Internet

Con người luôn luôn đặt tâm hồn làm trọng tâm, cũng chính vì vậy mà theo giáo lý đạo Phật thì chúng sinh không phải đoạn diệt, cũng không phải thường còn, mà quay lộn trong cảnh sinh tử “luân hồi”. Luân hồi (pali: *saṃsāra*, nguyên nghĩa Phạn ngữ là “lang thang, trôi nổi” theo ngữ căn sam-√sṛ, có khi được gọi là Hữu luân (chữ Hán), vòng sinh tử, hoặc giản đơn là Sinh tử (chữ Hán).

Thuật ngữ này chỉ những đời sống tiếp nối nhau, trạng thái bị luân chuyển của một loài Hữu tình khi chưa đạt giải thoát, chứng ngộ Niết-bàn. Nguyên nhân trói buộc trong luân hồi là các pháp Bất thiện (sanskrit: *akuśala*), gồm có tham ái (sanskrit: *tṛṣṇā*), sân (sanskrit *dveṣa*) và si (sanskrit: *moha*) hoặc vô minh (sanskrit: *avidyā*). Hay “luân” là bánh xe, “hồi” là trở lại.

Hình ảnh bánh xe quay tròn trở lại dùng để hình dung sự xoay chuyển của mỗi chúng sinh trong sáu cõi. Khi đầu thai ở cõi này, khi ở cõi khác. Tử sinh, sinh tử tiếp nối không ngừng, như bánh xe quay lăn.

Đức Phật đã xác định sự thật về luân hồi một cách cụ thể qua hình ảnh tái sinh (từ bào thai này sang bào thai khác). Tái sinh (reincarnation) là sự trở lại một đời sống mới hoặc cao hơn, hoặc thấp hơn hoặc như cũ trong lục đạo (trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) sau khi đã kết thúc một chu kỳ sống (life cycles), hay còn gọi là thọ mạng đã hết - chết.

Thông thường, khi nói đến luân hồi - tái sinh, trong Phật giáo thường đề cập đến hai khái niệm cơ bản về sự sinh tử, đó là:

- Chu kỳ sinh tử của từng sát na

- Chu kỳ sinh tử của một đời sống

Về chu kỳ sinh tử của từng sát na, vì nó diễn ra quá nhanh chóng như sự sinh ra rồi mất đi của một làn chớp (điện chớp) mà thuật ngữ Phật học gọi là “niệm niệm - sinh diệt” (sự sinh tử diễn ra trong từng ý niệm), do đó vấn đề chỉ được bàn đến trên một bình diện cao hơn, như trong thiền định, hoặc các cảnh giới của tâm thức...

Về chu kỳ sinh tử của một đời sống, do tính cách giới hạn của một chu kỳ sống, nghĩa là có thể ghi nhận qua bốn giai đoạn: sinh, lão, bệnh, tử và / hoặc sinh thành (sinh), tồn tại (trụ), biến chuyển (dị) và hoại diệt (diệt) của một chúng sinh, nên chu kỳ này trở thành chủ đề nghiên cứu về luân hồi - tái sinh.

Theo quan điểm của Phật giáo, tất cả muôn loài chúng sinh đều phải chịu sự chi phối của định luật vô thường. Đối với con người, vô thường chính là sự biểu hiện của sinh, lão, bệnh, tử trải qua nhiều kiếp sống, và cứ mỗi kiếp sống như thế đều được giới hạn bởi hai đầu sinh và tử. Tuy nhiên, sinh và tử chỉ là sự hoàn tất của một chu kỳ. Như thế, khi thân xác này hủy hoại, cái gì sẽ tiếp tục tái sinh - mở đầu một kiếp sống mới?

Đây là then chốt để tìm hiểu về luân hồi.

Trong cuốn Phật học Khái Lược, HT.Quang Nhuận viết: *“Nghiệp là chỉ những cái sở tác thiện ác của thân, khẩu, ý. Khi tạo tác thiện ác gọi là nghiệp nhân, khi cảm thọ khổ vui gọi là nghiệp quả. Nếu kết hợp với nhân quả thì nghiệp là năng lực được hình thành do những hành vi được kéo dài từ quá khứ đến hiện tại và tương lai”*.^[3]

Từ lời dạy trên, chúng ta thấy rằng nghiệp (karma) luôn luôn có mặt cùng với sự có mặt của con người. Và khi chết, thì sự thể vật lý này tan hoại, còn nghiệp vẫn cứ tiếp tục trôi lăn theo dòng trầm luân của nó (hoặc thiện nghiệp, hoặc ác nghiệp). Nhưng nghiệp không phải là linh hồn bất tử để nối kết các kiếp sống, vì bản thân nó là vô ngã. Tuy nhiên, chính nghiệp là cơ sở, là điểm trung tâm, để qua đó, vòng luân hồi xoay chuyển.

Vậy, nghiệp là gì? Nghiệp là hành động có tác ý, hay hành động được phát sinh từ tâm; và thông qua hành động của thân, miệng và ý mà nghiệp được hình thành. Nghiệp luôn có mặt trong ta: *“Giả sử bách thiên kiếp/ Sở tác nghiệp bất vong/ Nhân duyên hội ngộ thời/ Quả báo hoàn tự thọ”*. (Trải qua trăm ngàn kiếp/ Nghiệp tạo chẳng mất tiêu/ Nhân duyên đầy đủ thời Quả báo mình lãnh thọ)^[4].

Hay trong kinh Trung bộ 135, kinh Tăng chi Chương Năm pháp, Phẩm Sự kiện cần phải quan sát; đức Phật dạy: *“Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy”*.

Nói đến nghiệp là nói đến thiện ác trong tương quan nhân quả; và trong mối tương quan đó, động cơ chính để kiến tạo nghiệp là tham, sân, si (ác nghiệp) và ngược lại là không tham, không sân, không si (thiện nghiệp).

Từ đây, chúng ta thấy rõ rằng, chính tâm lý của mình là cơ sở để tạo nên nghiệp của mỗi người. Con người là kẻ quyết định cái nghiệp của mình, cái định niệm do mình tạo tác. Và cũng chính con người là kẻ duy nhất có thể giải thoát mọi nghiệp lực của mình, đi ra khỏi vòng luân hồi .

2. Giáo lý Luân hồi trong Tam tạng thánh điển



Hình mang tính minh họa

2.1. Sự Luân hồi của Tứ đại

Đất luân hồi: Đất làm nên một cái chén. Một thời gian cái chén bị vỡ và lại thành đất. Đất này lại làm thức ăn cho cây cỏ. Cây cỏ tàn rụi trở thành phân bón cho cây khác, hoặc làm thực phẩm cho động vật. Động vật ăn cây cỏ này vào, hoặc bài tiết ngay ra ngoài để thành phân, thành đất, hoặc biến thành máu huyết, da thịt để một ngày kia thân thể động vật già yếu, sẽ tan rã thành đất lại. Bao nhiêu lần thay hình đổi dạng đất lại trở thành đất sau một vòng luân chuyển.

Nước luân hồi: Nước bị sức nóng mặt trời bốc thành hơi. Hơi bay lên không gặp lạnh biến thành mây. Mây tụ lại rơi xuống thành mưa. Mưa chảy xuống ao hồ thành nước lại. Hoặc nước mưa gặp hơi lạnh quá, đọng lại thành băng giá. Băng giá gặp hơi nóng mặt trời tan ra lại thành nước.

Gió luân hồi: Gió là sự luân chuyển của không khí. Không khí bị sức nóng mặt trời bốc cháy, giãn ra, bốc lên cao làm thành những khoảng trống. Để bù vào những khoảng trống ấy, không khí ở các nơi khác bay tới điền vào, gây thành luồng gió. Không khí xê dịch chậm thì gió nhỏ, xê dịch nhanh thì gió lớn, xê dịch nhanh nữa thì thành bão, nhưng bản chất của nó bao giờ cũng là không khí.

Lửa luân hồi: Lửa là một sức nóng làm cháy được vật. Khi đủ nhân duyên thì sức nóng phát ra lửa. Chẳng hạn hai thanh củi trong trạng thái bình thường thì chúng ta chẳng thấy sức nóng ở đâu cả, nhưng khi chà sát vào nhau một hồi, thì lửa liền bật lên. Ngọn lửa này có thể đốt hai thanh củi kia, và hai thanh củi này một phần hóa thành tro than, một phần biến thành thán khí. Những cây khác dùng rễ mình để thu hút thán khí, chất chứa lại sức nóng để một ngày kia, gặp đủ nhân duyên lại bùng cháy lên.

Như thế, sức nóng bao giờ cũng có sẵn, nhưng khi thì nó ở trạng thái tiềm phục, khi thì ở trạng thái phát hiện. Mắt chúng ta chỉ thấy khi nó phát hiện, và chỉ khi ấy mới cho là nó có, còn khi nó ở trạng thái tiềm phục thì ta bảo là nó không có. Thật ra thì nó chỉ luân hồi qua những trạng thái khác nhau, chứ không phải dứt đoạn hay mất hẳn.

Cảnh giới luân hồi: đức Phật thường nói: “Thế giới nhiều như cát sông Hằng”. Thật thế, ban đêm chúng ta nhìn lên trời, thấy hằng hà sa số tinh tú. Mỗi tinh tú là một thế giới và mỗi thế giới ấy đều không thoát ra ngoài định luật chung là “thành, trụ, hoại, không”. Mỗi phút giây nào cũng có sự sinh diệt của thế giới. Thế giới này tan đi, thì thế giới khác nhóm lên, như một làn sóng này mất đi thì một làn sóng khác nổi lên, làm nhân làm quả, tiếp nối cho nhau, luân hồi không bao giờ dứt.

Thân người luân hồi: Thân người, hay thân thú vật cũng thế, xét cho cùng thì cũng do bốn chất lớn (“tứ đại”) là “đất, nước, gió, lửa” mà có. Như trên chúng ta đã thấy, tứ đại đều luân hồi, thì thân người cũng phải luân hồi theo. Khi thân này chết và tan rã, thì chất cứng dẻo trả về cho Đất; chất đượm ướt trả về cho Nước; hơi nóng trả về cho Lửa; hơi thở và sự cử động trả về cho Gió. Rồi bốn chất này tùy theo duyên chung hợp lại, làm thành cây cỏ hay thân người khác. Người khác đến khi chết rồi, bốn chất đó trở về bản thể cũ của chúng. Khi thành thân người, lúc làm thân súc vật, năm nay tụ hợp ở đây, sang năm đã rời đi nơi khác, không phải thường còn, cũng không phải mất hẳn, mà là luân hồi.

Tinh thần Luân hồi: Con người không phải chỉ gồm có tứ đại. Ngoài tứ đại, còn có phần tâm lý nữa, hay nói một cách tổng quát hơn, còn có tinh thần. Phần thể xác đã không tiêu diệt mà chỉ biến hóa luân hồi, thì tâm hay tinh thần, cũng không tiêu diệt mà chỉ biến chuyển xoay vần mà thôi. Như đã nói, tất cả những hành động của thân tâm tạo thành cho chúng ta một cái nghiệp. Cái nghiệp ấy biến dịch, xoay vần mãi theo một định luật chung, đó là luật nhân quả. Đến đây, chúng ta thấy được sự tương quan mật thiết giữa nhân quả và luân hồi. Đã có nhân quả, tức phải có luân hồi (trừ trường hợp tu nhân giải thoát); đã có luân hồi phải tuân theo luật nhân quả.

Tự trung đức Phật gọi những thứ đó là lậu hoặc, lậu hoặc huân tập lâu ngày thành Nghiệp. *“Hiếu biết chân chính về nguyên lý nghiệp quả có một tác dụng quyết định trên cách hành xử của con người. Khi chúng ta nhận thức được rằng hành động của chúng ta cuối cùng sẽ dội ngược lại vào chúng ta và xác định số phận của chúng ta trong đời sống tương lai, chúng ta sẽ có động lực để từ bỏ những tâm hành cấu uế và tránh xa cách hành xử bất thiện. Thay vào đó, chúng ta sẽ được khơi nguồn cảm hứng để dẫn thân vào những cách hành xử tốt đẹp và phát triển các đức tính thiện lành”*.^[5]

2.2. Luân hồi và tái sinh theo quan điểm Phật giáo



Hình mang tính minh họa

Nói đến luân hồi thì không thể không nói đến nghiệp và nói đến vòng sanh tử và một khi đang còn trôi lăn trong vòng lục đạo thì chúng sinh gieo nhân ắt phải

gặt quả báo:

“Không trên trời, giữa biển,

Không lánh vào động núi,

Không chỗ nào trên đời,

Trốn được quả ác nghiệp”^[6].

Bên cạnh đó, Nghiệp là nguyên nhân dẫn đến sự tái sinh trong các cõi của chúng sinh. Luân hồi tái sinh là sự trở lại của một đời sống mới hoặc cao hơn hoặc thấp hơn, hoặc như cũ trong lục đạo. Đạo Phật cho rằng sau khi chết, thân xác sẽ trở về với tứ đại, nhưng dòng nghiệp thức vẫn tiếp tục đi vào đời sống mới trong các cõi. Trong kinh Trung bộ đức Phật mô tả cơ chế tái sinh gồm có ba điều kiện: Cha mẹ giao hợp; Người mẹ ở trong thời kì thụ thai; Sự có mặt của hương ấm^[7].

Tiến trình luân hồi tái sinh diễn ra khi kết thúc đời sống ở hiện tại, tùy theo nhân duyên nghiệp lực của mỗi người ảnh hưởng chi phối lúc cận tử nghiệp của người ấy hoặc nghiệp thiện hoặc bất thiện giữ vai trò quyết định cảnh giới tái sinh. Cũng có thể nghiệp cực thiện để tái sinh được lên cõi trời; nghiệp cực ác đọa liền xuống địa ngục. Hoặc là sự ảnh hưởng do thói quen, tập quán nào nhiều nhất, mạnh nhất trong thường nhật của người ấy sẽ chi phối cho sự tái sinh kiếp kế tiếp,... *“Nhuỵ lỵ thũng chim bay thức tâm theo nghiệp; như người mắc nợ, kẻ mạnh trước đòi, tơ lòng nhiều mối, chỗ nặng thì sa”*^[8]. Hình ảnh ấy trong nhà Phật thường ẩn dụ: Nếu có một đàn bò bị nhốt trong chuồng, khi cửa chuồng mở ra, con mạnh nhất sẽ ra trước. Nếu không có con bò nào như thế, thì con đầu đàn sẽ ra trước; nếu không có con nào như thế thì con gần cửa nhất sẽ ra trước. Nếu không có con nào như thế, thì tất cả sẽ cố chen ra cửa cùng một lúc. Ẩn dụ này mô tả những giây phút cuối của tâm thức trước khi chết. Sức mạnh của cận tử nghiệp, của cực trọng nghiệp hay tập quán nghiệp sẽ chi phối và dẫn nghiệp đi trong lục đạo luân hồi, hoàn thiện ở kiếp tái sinh kế tiếp.

Vì ta *“là kẻ thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, là quyến thuộc, là chỗ nương tựa...?”*. Nên nghiệp chi phối tất cả mọi sinh hoạt của chúng sinh, dẫn dắt chúng sinh vào luân hồi. Nghiệp ấy là hành tạo tác qua thân, khẩu, ý, nó cũng chính là sự tác hợp và vận hành của ngũ uẩn, là hành của mười hai chi phần nhân duyên, như đức Phật đã dạy trong Tương Ưng bộ: *“Này các Tỳ-kheo, chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng chỗ ấy có danh sắc sinh. Chỗ nào có danh sắc sinh, chỗ ấy có hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sinh - trong tương lai...”*^[9]

Lại nữa; Luận Câu Xá của ngài Thế Thân giải thích: Vô minh có mặt trong đời trước của chúng ta liên quan đến hiện hữu, do chúng ta ngăn chặn không chặt chẽ tham ái và hành vi phóng dăng của mình. Vì *Karma* này, chúng ta phó thác số mệnh ngay nơi hiện đời phú bẩm cho ý thức (*Vijñāna*), danh sắc (*Nāmarūpa*), sáu giác quan (*Ṣaḍāyātana*) và sự cảm thọ (*Vedanā*). Bởi tập quán các chức năng này, nên bấy giờ chúng ta tham ái, sân hận, chấp thủ mọi sự hiện hữu ảo giác tốt cùng mà không thật có.

Trong kết quả “ý chí sống” chúng ta tích lũy tiềm năng hoặc tạo *Karma* mà ý chí dẫn chúng ta chìm đắm mãi trong vòng luân hồi^[10].

Nghiệp là ý chí, ý muốn, có sự tồn tại để làm nhân cho tái sinh, chính vì thế mà cha của Subha Todeyyaputta trở thành con chó giữ cửa trong nhà con trai ông. Một người nỗ lực vì nguyện vọng nào đó chưa thực hiện xong cũng sẽ nuối tiếc đi không đành hoặc vì quá thương chồng, lụy con, hoặc tham ái thân mạng, tài sản đều bị nghiệp này ràng buộc trong lúc cận tử nghiệp và chắc chắn họ sẽ không thể tái sinh trong cảnh giới như ý bởi đang thọ tâm khổ, phiền não đi tái sinh^[11]. Nếu một người có tu tập tâm, thường hành chính niệm, tỉnh giác sẽ giữ được phần chủ động trong việc đi thác sinh.

Hoặc thoát khỏi vòng tái sinh như đối với các bậc tu chứng A-la-hán. Như đức Phật đã từng nói lên:

“Lang thang bao kiếp sống

Ta tìm nhưng chẳng gặp,

Người xây dựng nhà này, Khổ thay, phải tái sinh.

Ôi! Người làm nhà kia

Nay ta đã thấy người!

Người không làm nhà nữa.

Đòn tay người bị gãy,

Kèo cột người bị tan

Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong”^[12].

Như vậy, luân hồi và nghiệp vốn có nguồn gốc từ sự nhận lầm các pháp có ngã tướng, từ đó sanh ái thủ. Con đường giải thoát nghiệp là con đường ra khỏi sự

nhận lầm ấy để giác tỉnh rằng các pháp là vô ngã tướng. Thực tại Vô ngã không đến không đi, không sanh không diệt, không có nghiệp. Mọi vấn đề về nghiệp đều phát sinh từ chỗ tác ý.

Nếu ta nhiếp ý thanh tịnh, giác tỉnh đi ra khỏi thiện ác thì tất cả là thực tại như thực^[13]. Sự tái sinh liên hệ đến nghiệp, nghiệp bắt nguồn từ vô minh, tham ái. Nếu không còn vô minh, chấp thủ ngã ái thì sẽ không còn nghiệp, không còn luân hồi, đây cũng là mục tiêu cuối cùng hướng đến giải thoát đạt được Niết-bàn của sự tu tập.

III. Kết luận



Hình mang tính minh họa

Để từ đó chúng ta thấy được rằng con người sinh ra bởi nhân quả và nghiệp báo, xoay chuyển trong vòng luân hồi lục đạo. Nếu trong đời sống này, mình làm việc xấu ác gây khổ cho người, thì nơi tái sinh sắp tới của mình sẽ tương ứng với đời sống khổ phiền nghèo đói. Ngược lại nếu đời này mình sống tốt với mọi người, thì đời sau mình cũng có đời sống tốt đẹp.

Trong kinh Thừa tự Pháp đức Phật dạy: *“Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật”*.^[14]

Gia tài Pháp bảo vô giá của đức Phật có được di chúc lại cho hàng đệ tử, và chỉ những ai thừa tự Pháp mới có thể nhìn thấy vầng trăng Lãng già; chỉ những ai thừa tự pháp mới có thể lên thuyền giác ngộ, vượt qua sông mê, đến bờ bến giác ngộ.

Qua giáo lý Tứ Thánh Đế gồm Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong đó Đạo là con đường diệt khổ với đầy đủ ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Con đường tu tập Thất giác chi đưa đến hạnh phúc an lạc, tâm luôn hoan hỷ, không tranh chuyệ hơn thua, đố kị, được an định trong khi hành xử, tất cả ham muốn vọng tưởng, chấp thủ, ái luyến được thay thế bằng sự an định hỷ lạc, vô tham, vô sân, vô si. Và không gì hơn để đạt được quả vị thánh là đi trên con đường tám ngành của Bát chính đạo; đây là giáo lý căn bản của đạo đế, là phương pháp hành trì quan trọng thiết yếu. Đó là con đường thánh gồm tám chi: Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm và chính định. Tám thánh đạo dẫn dắt thì chắc chắn hành giả sẽ không lầm đường lạc lối trong bất cứ hoàn cảnh nào khi đã có cái thấy, tư duy chân chính thì thân, khẩu, ý không tạo nghiệp, không bị các ác pháp chi phối dẫn dắt. Bát chánh đạo định hướng cho đời sống cá nhân, gia đình và xã hội, là con đường thẳng tiến giác ngộ tối thượng của những ai thật sự tu tập hành trì.

Nếu như con người không chịu tu tập giác ngộ thì mãi là nô lệ của nghiệp, mãi chịu sự chi phối của vòng luân hồi sinh tử. Sau khi chết, thân tứ đại tan rã, trở về với tứ đại, chỉ còn lại cái tâm là tử thức, do nghiệp làm chủ, nó dẫn đi đâu thì thức tái sinh phải đi theo tới đó.

Đức Phật không khuyến khích con người chỉ hướng về quả báo chư Thiên và loài người, vì nó vô thường và giả tạm; nếu hiểu biết chân chánh về giáo lý nghiệp thì phải tu tập mong cầu sự giải thoát ra khỏi được dòng chi phối vận hành của nghiệp.

“Muốn ra khỏi biển luân hồi

Quả kia phải hái cho rồi đừng gieo

Dừng chân thì bóng chẳng đeo

Dừng tâm thì nghiệp chẳng đeo theo mình

Ai ơi hãy khá giữ gìn

Đừng cho ý mã tung hoành tự do”.

Tác giả: **Lê Thị Thuận (Pháp danh: Thích nữ Quảng Nhật)** học viên cao học Khóa II, Chuyên ngành triết học Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Tài liệu tham khảo:

[1] HT.Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ*, (2017), Tp. HCM: NXB Tôn Giáo.

- [2] HT.Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trung Bộ Tập 1-2*, (2017), Tp. HCM: NXB Tôn Giáo.
- [3] Thích Thiện Siêu, *Chữ Nghiệp Trong Đạo Phật*, (2002), Tp. HCM: NXB Tôn Giáo.
- [4] Thích Chơn Thiện, *Phật Học Khái Luận*, (2009), Tp.HCM: NXB Phương Đông.
- [5] Thích Chơn Thiện, *Giáo Lý Duyên Khởi*, (2013), NXB Hồng Đức.
- [6] Thích Mãn Giác, *Tìm Hiểu Sáu Phái Triết Học Ấn Độ*, (2002), Tp.HCM: NXB Tp.HCM.
- [7] Thích Mãn Giác, *Lịch Sử Triết Học Ấn Độ*, 1967, Ban Tùng Thư
- [8] Hòa Thượng Giới Nghiêm dịch, *Kinh Mi Tiên Vấn Đáp*, (2014), Hà Nội: NXB Tôn Giáo.
- [9] Thích Giác Quả dịch, *Kinh Nhân Quả Luân Hồi*, (2012), Huế: NXB Thuận Hóa.

Chú thích:

- [1] . □ □ □ □
- [2] . Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2017). Đức Phật Sakya Gotama, Nxb Văn Học, trang 49.
- [3] . HT.Thích Quang Nhuận, *Phật học Khái lược*, NXB Tôn Giáo, Tp. HCM, 2005, tr. 130.
- [4] . ██████████ |████ -□ 57
██████████
|
██████████
- [5] . Nguyên Nhật Trần Như Mai dịch, *Lời Phật Dạy Về Sự Hòa Hợp Trong Cộng Đồng và Xã Hội Hợp Tuyển Từ Kinh Tạng Pāli*, Tp HCM: NXB Hồng Đức, 2018, tr.37.
- [6] HT. Thích Minh Châu dịch, *kinh Tiểu Bộ, kinh Pháp Cú-Phẩm Ác, kệ 127*, 2017, Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr. 59.
- [7] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trung Bộ,Tập I, Đại kinh đoạn tận ái*, (2017), Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr. 328.
- [8] HT. Thích Trí Quang dịch, *Sa Di Giới và Sa Di Ni Giới*, NXB Tôn Giáo, Tp. HCM, 2013.
tr. 64-65; ██████████ ;



- [9] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng, Quyển I, Tập II, Thiên nhân duyên, chương 1, Có tham*, (2017), Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr. 460.
- [10] Thích Kiên Định dịch, *Đại cương Phật Giáo phát triển*, 2016, Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr.61.
- [11] *Tham khảo thêm*, HT. Giới Nghiêm, *Kinh Mi Tiên Vấn Đáp*, tr. 163-164; Phạm Kim Khánh dịch, *Phật Giáo Nhìn Toàn Diện*, 2009, Tp. HCM: NXB Phương Đông, Tr. 192- 193;
- [12] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tiểu Bộ, Tập I, kinh Pháp Cú*, 2017, Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr. 63.
- [13] HT.Thích Chơn Thiện, *Phật học khái luận*, 2009, Tp. HCM: NXB Phương Đông, tr. 319.
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Thừa Tự Pháp, Tập I*, 2017, Tp. HCM: NXB Tôn Giáo, tr. 31.